



MÔ HÌNH NHÂN RỘNG



MÔ HÌNH SẢN XUẤT, BẢO QUẢN MỘT SỐ GIỐNG HOA MỚI CÓ TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU TẠI VINH PHÚC

Chủ nhiệm: ThS. Phạm Ngọc Thanh, Trung tâm Kỹ thuật rau, hoa, quả Vinh Phúc

Cơ quan thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật rau, hoa, quả Vinh Phúc

Kinh phí thực hiện: 286.112 triệu đồng

Kinh phí sự nghiệp khoa học: 110 triệu đồng

Thời gian thực hiện: Năm 2006

Mã số mô hình: 01/MHNR-2006.

MỤC TIÊU MÔ HÌNH

Quy hoạch diện tích sản xuất hoa tập trung, chuyển giao giống và kỹ thuật trồng chăm sóc hoa nở tập trung đạt yêu cầu để nâng cao giá trị kinh tế.

NỘI DUNG MÔ HÌNH

Các giống hoa tham gia mô hình: Hoa Hồng nhung Pháp, hoa Hồng Trung Quốc: Vàng kem, đỏ gai, đỏ bóng; Hoa Cúc: Thụ xanh, Thụ đỏ, Tím sen, Vàng đồng, Vàng mai.

Chuyển giao, hướng dẫn nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đồng bộ trong sản xuất hoa.

Phối hợp với Viện nghiên cứu rau quả Trung ương, Hội giống cây trồng Việt Nam để được tư vấn kỹ thuật, giúp đỡ chuẩn bị cây con giống hoa các loại đảm bảo chất lượng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phối hợp với địa phương chỉ đạo triển khai xây dựng mô hình sản xuất hoa tại chỗ.
- Trực tiếp chỉ đạo nhân dân sản xuất cũng như bảo quản sản phẩm.

QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM

- Địa điểm: xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường
- Quy mô: 2,2 ha

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

Phương thức triển khai: Trung tâm chỉ đạo HTX nông nghiệp Thổ Tang quy hoạch vùng trồng hoa liền vùng, liền khoảnh, tiện giao thông đi lại, thuận lợi cho việc tuyên truyền, khuyến cáo mở rộng mô hình. Tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản các loại hoa cho nông dân. Tổ chức hội nghị tham quan đầu bờ giới thiệu kết quả bước đầu về xây dựng mô hình cho các tổ trưởng khuyến nông, nông dân ở các xã trong huyện Vĩnh Tường tham quan, học tập.

- Triển khai mô hình từ: tháng 7 đến tháng 9 chuẩn bị đất, cây giống, chuẩn bị phân bón.

- Đợt 1: từ tháng 9 -11: Tập trung trồng chủ yếu là hoa Hồng và hoa Cúc trong đó: 1,8 ha hoa Hồng; 0,25 ha hoa Cúc và một số loại hoa khác như hoa Phăng.

- Đợt 2: Từ cuối tháng 11 đến cuối tháng 12: Trồng tiếp 0,05 ha hoa Cúc.

Kết quả thu được:

* Chỉ tiêu về sinh trưởng:



- Đối với hoa Cúc: Kết quả cho thấy tỷ lệ sống của các giống hoa Cúc dao động trong khoảng từ 79 - 91%. Giai đoạn hồi xanh của các giống dao động từ 4 - 7 ngày, các giống xuất hiện nụ sau khi trồng khoảng 1- 2 tháng. Hoa Cúc có thể điều chỉnh các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của hoa Cúc thông qua việc chiếu sáng bổ sung để kéo dài thời gian sinh trưởng tạo cho hoa nở theo mong muốn.

- Đối với hoa Hồng: Nếu chú trọng tới yếu tố thời vụ trồng, chất lượng cây giống, đủ độ ẩm thì tỷ lệ sống đạt mức cao khoảng từ 85 - 95%.

* Về năng suất:

- Đối với hoa Cúc: Có hai loại điển hình cao nhất là Thọ xanh đạt: 720.692 cành/ha và thấp nhất là Tím sen đạt 344.210 cành/ha. Còn lại dao động trong phạm vi khoảng 400.625 cành 720.000 cành/ha.

- Đối với hoa Hồng: Cho thu khoảng từ 128.258 - 208.845 bông/ha. Cụ thể vàng kem: đạt 208.845 bông/ha; đỏ gai đạt 135.627 bông/ha; đỏ bóng đạt 128.256 bông/ha; đỏ Pháp đạt 190.664 bông/ha.

* Về chất lượng: Chiều dài trung bình của hoa Hồng dao động trong khoảng từ 45 - 80 cm, tùy theo từng giống. Thời gian sử dụng là 8 - 10 ngày.

Hoa Cúc là loại hoa có thời gian sử dụng khá dài, ngắn nhất 15 ngày (Mai vàng, Thọ đỏ), dài nhất lên tới 20 ngày (vàng đồng, tím sen).

- Hiệu quả kinh tế sau khi thu hoạch:

Đối với hoa Cúc: Tùy theo từng loại hoa có mức lãi suất khác nhau. Hoa thọ xanh lãi cao nhất: 287.199.145 đ/ha; tím sen lãi 247.400.550 đ/ha; vàng đồng lãi: 223.660.560 đ/ha; thọ đỏ lãi 77.622.645 đ/ha; vàng mai đạt lãi: 74.808.745 đ/ha.

Đối với hoa Hồng: Lãi cao nhất là Đỏ bóng đạt: 104.404.000 đ/ha; vàng kem lãi 92.608.000 đ/ha; đỏ gai đạt 79.637.200 đ/ha; đỏ Pháp lãi 68.040.000 đ/ha.

Qua kết quả đạt được của mô hình có thể khẳng định trồng hoa tập trung cho năng suất cao hơn mức đối chứng từ 10 - 15%. Chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Đặc biệt nếu kết hợp áp dụng biện pháp kỹ thuật điều khiển hoa nở vào đúng dịp lễ, tết, tăng thời gian sử dụng hoa tươi từ 1,2 - 1,5 lần sẽ làm tăng giá trị kinh tế, tăng thu nhập cho hộ dân.

Giải pháp định hướng trong thời gian tới:

- Đối với huyện Vĩnh Tường tiếp tục tạo điều kiện về chủ trương, hỗ trợ kinh phí cho nông dân mở rộng diện tích trồng các loại hoa ở những năm tiếp theo.

- Phòng Kinh tế tiếp tục chỉ đạo HTX nông nghiệp Thổ Tang và các hộ nông dân chăm sóc diện tích hoa Hồng để các hộ nông dân trong huyện tham quan học tập.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận.

Mô hình xây dựng đúng tiến độ, đúng thời vụ đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật. Nhóm hộ nông dân tham gia mô hình đã được chuyển giao đầy đủ các tiến bộ kỹ thuật đồng bộ để sản xuất, thu hoạch, bảo quản hoa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Mô hình là diện tích đầu tiên chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng mới của huyện Vĩnh Tường. Là cơ sở để các hộ nông dân chuyển đổi diện tích sản xuất từ cây trồng thu nhập thấp sang trồng hoa chất lượng, có thu nhập cao hơn.

2. Kiến nghị.

Với hiệu quả kinh tế của mô hình cần nhanh chóng nhân rộng ở những năm tiếp theo, tạo điều kiện cho nông dân tiếp thu, được chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, áp dụng vào sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao.

Biên tập: CN. Bùi Thị Vân Anh



XÂY DỰNG VÙNG SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU CÀ CHUA MINI PHỤC VỤ TIÊU DÙNG VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN SẢN XUẤT

Chủ nhiệm mô hình: KS. Nguyễn Hữu Diễn, Phòng Kinh tế Tam Dương

Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế Tam Dương

Kinh phí thực hiện: 283 triệu đồng

Kinh phí khoa học: 70 triệu đồng

Thời gian thực hiện: Năm 2006

Mã số mô hình: 02/MHNR-2006.

MỤC TIÊU MÔ HÌNH

Xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu cà chua mini từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và công nghiệp chế biến, gắn sản xuất với tiêu thụ thông qua hợp đồng ký kết, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hoá, tăng thu nhập cho người dân, đưa tổng giá trị sản phẩm trên 50 triệu đồng/ha/năm.

NỘI DUNG MÔ HÌNH

- Đưa giống cà chua F1: VN 2004, Berfer 89 vào sản xuất,
- Quy hoạch vùng, chọn địa điểm,
- Tập huấn cho các hộ nông dân về kỹ thuật chăm sóc cà chua mini,
- Tư vấn nơi tiêu thụ sản phẩm.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phối hợp chỉ đạo kỹ thuật và triển khai mô hình cùng các ban, ngành chức năng.

QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM

Quy mô: 15 ha tại Hoàng Lâu: 10 ha, Duy Phiên: 5 ha.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Phương thức triển khai.

Phòng Kinh tế huyện tổ chức tập huấn 8 lớp kỹ thuật trồng cà chua mini cho 400 lượt hộ nông dân của 2 xã. Phân công 6 kỹ sư nông nghiệp kết hợp với cán bộ khuyến nông cơ sở, ban quản trị Hợp tác xã tham gia chỉ đạo, vận động nhân dân quy hoạch vùng sản xuất, hướng dẫn nhân dân từ khi trồng đến lúc thu hoạch.

Biện pháp kỹ thuật trồng cà chua:

* Thời vụ:

- Vụ xuân: gieo từ 5 - 20/1

- Vụ đông gieo giữa tháng 8 đến giữa tháng 10 (dương lịch).

* Làm đất trồng: Đất được cày bừa, nhặt sạch cỏ, lên luống rộng 1,0 - 1,2 m, rãnh rộng 25 - 30 cm, cao 30 - 35 cm.



* Mật độ, khoảng cách:

- Khoảng cách hàng 60 x 70 cm, khoảng cách cây 40 - 45 cm

- Mật độ: 900 cây/sào

* Cách bón phân: Lượng bón trên sào (360 m²)

Phân chuồng hoai mục: 700 kg, vôi bột: 20 kg; tro bếp: 10 kg

Đạm urê: 12 - 15 kg;

Lân super: 20 kg

Kali: 6 kg

- Bón lót: 700 kg phân chuồng + 10 kg tro bếp + 20 kg Lân, trộn đều và bón vào các hố, dùng vôi bột rắc đều trên ruộng trước khi bừa lượt cuối và lên luống.

- Bón thúc và chăm sóc:

+ Đợt 1: Sau trồng 7 - 10 ngày, bón 0,5 - 1 kg urê hoà loãng tươi, kết hợp với xới phá váng, theo dõi sâu bệnh.

+ Đợt 2: Sau trồng 15 ngày, hoà 1 - 2kg urê + 0,5 kg kali tươi, nhổ cỏ vun luống.

+ Đợt 3: Sau trồng 20 - 25 ngày, cần 3 kg urê + 1,5 kg kali, vun luống, làm giàn, buộc dây theo dõi sâu bệnh.

+ Đợt 4: Sau trồng 40 - 45 ngày cần 3 kg urê + 2 - 3 kg kali, buộc cây, tỉa cành, theo dõi sâu bệnh.

+ Đợt tiếp theo sau thu quả đợt 1 - 2 - 3 chia đều số phân còn lại hoà loãng để tưới. Kết hợp với tỉa lá già, sâu bệnh.

2. Kết quả thu được.

- Năng suất:

Chỉ tiêu	Mô hình Hoàng Lâu	Mô hình xóm chùa Duy Phiên	Trung bình
Mật độ (cây/ha)	25.000	25.000	25.000
Số lượng quả trên cây (quả)	36	38	37
Trọng lượng quả (g)	40	40	40
Năng suất lý thuyết (tấn/ha)	36	38	37
Năng suất thực thu (tấn/ha)	34,5	36	35,25

+ Ở Hoàng Lâu: Số lượng đạt 36 quả/cây, năng suất thực thu là 34,5 tấn/ha.

+ Duy Phiên: Số lượng đạt 38 quả/cây, năng suất thực thu 36 tấn/ha cao hơn Hoàng Lâu 1,5 tấn.

Mặc dù do thời tiết có ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng, nhưng các chỉ số yếu tố cấu thành năng suất vẫn đạt được so với yêu cầu đặt ra. Do vậy có thể khẳng định: Cây cà chua nên được đưa vào phát triển thành vùng tập trung ở 2 xã này.

- Hiệu quả kinh tế sau khi thu hoạch:

- Thị trường tiêu thụ cà chua: Thời điểm năm 2006 giá cà chua do nhà máy thu mua là 1.700 đ/kg; giá trên thị trường là 2.200 - 2.500 đ/kg, thời điểm cao nhất đạt tới 6.000 đ/kg.

Giá trị trung bình cà chua trên 1 ha đơn vị diện tích là 59.925.000 đ, lãi trung bình 25.440.500 đ/ha, 1 sào là 953.000 đ.



Cụ thể:

+ Hoàng Lô lai xuất: 24.165.500 đ/ha.

+ Duy Phiên: 26.715.500 đ/ha.

Nếu so sánh với cây truyền thống như ngô, lạc, đậu tương thì cây cà chua cho hiệu quả kinh tế cao hơn 2 - 3 lần, bằng hiệu quả kinh tế với cây dưa chuột trong khi đó ít sử dụng thuốc BVTV hơn cây dưa chuột.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận.

Sau khi thực hiện mô hình các hộ nông dân được nâng cao về mặt kiến thức và kỹ thuật sản xuất và sản phẩm hàng hoá. Kết quả thử nghiệm và lựa chọn được một bộ giống cà chua tốt phù hợp với điều kiện nông hoá thổ nhưỡng, khí hậu của vùng sản xuất được quy hoạch như: cà chua F1 Thuý Hồng, cà chua VN 2004, Ferfex 89 là những giống có khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu hạn tốt, sai quả, có khả năng thâm canh cao và tiềm năng, năng suất lớn.

Đã giúp cho địa phương đứng ra ký kết hợp đồng tiêu thụ và hình thành mạng lưới tiêu thụ với một số doanh nghiệp chế biến rau quả trong nước.

Bước đầu hình thành được vùng sản xuất cà chua hàng hoá tập trung, đẩy mạnh giá trị trên một đơn vị diện tích đạt 59.925.000 đ/ha/vụ, nâng cao thu nhập cho người nông dân và tạo được những tụ điểm buôn bán sản phẩm ở tại địa phương mỗi khi vào vụ.

3. Kiến nghị và đề xuất giải pháp định hướng trong thời gian tới.

* *Giải pháp về giống:* Xây dựng mô hình nhóm, hội ương giống để cung cấp tại chỗ cho nhân dân địa phương trồng, liên hệ chặt chẽ với Viện Rau, quả Trung ương, Trung tâm Rau, hoa, quả Vinh Phúc, Công ty Giống cây trồng Nông Hữu để cung cấp hạt giống kịp thời.

* *Giải pháp kỹ thuật:*

- Dồn điền, đổi thửa quy hoạch hoàn chỉnh vùng nguyên liệu;
- Đưa các tiến bộ kỹ thuật về phân bón, chế phẩm phụ nông nghiệp... để bón phân cân đối, hợp lý.
- Đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật cho người phụ trách trồng trọt, tập huấn cho nông dân, phối hợp với nông dân từ lúc trồng, chăm sóc, đến khi thu hoạch.

* *Giải pháp thị trường tiêu thụ:*

- Thành lập HTX sản xuất cà chua mini có chức năng sản xuất, cung ứng vật tư, phân bón và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm thông qua các hợp đồng bao tiêu với các công ty và nhà máy chế biến.

- Thành lập tổ nhóm thu mua của người dân để gom cho các cơ sở thu mua tạo mối liên hệ gắn kết chặt chẽ giữa người sản xuất và người thu mua.

- Tạo hành lang pháp lý thông thoáng, thuận tiện, đồng thời có chế tài hợp lý để cho việc cạnh tranh lành mạnh, người dân không bị tư thương ép giá.

* *Giải pháp chính sách xã hội:*

- Hỗ trợ nhân dân trong công tác tuyên truyền, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ nông nghiệp.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích mở rộng dây chuyền, tăng công suất chế biến của các nhà máy đáp ứng nhu cầu thu mua chế biến tại địa phương.

- Nhà nước có chính sách ưu đãi, thu hút các xí nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu về vốn, cho nhân dân vay vốn với lãi suất thấp phù hợp với chu kỳ sản xuất và thu hoạch rau quả.

Biên tập: CN. Bùi Thị Vân Anh.



ỨNG DỤNG DUNG DỊCH HOẠT HOÁ ĐIỆN HOÁ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI GIA SÚC GIA CẦM TẠI ĐỊA BÀN THỊ XÃ VINH YÊN

Chủ nhiệm mô hình: CN. Nguyễn Thị Minh

Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế thành phố Vinh Yên, Vinh Phúc

Kinh phí thực hiện: 230 triệu đồng

Thời gian thực hiện: Năm 2006

Mã số mô hình: 03/MHNR-2006.

MỤC TIÊU MÔ HÌNH

Lắp đặt máy ECAWA sản xuất dung dịch hoạt hoá Anolyte và Catolyte cung cấp cho các hộ chăn nuôi để khử trùng nước, tẩy rửa dụng cụ và các bề mặt trong trại nuôi gia cầm; khử trùng và kiểm soát môi trường không khí, vệ sinh chuồng trại sau khi thu hoạch và trước khi đưa con giống vào nuôi đọt mới, khử trùng thức ăn cho gia súc, gia cầm.

NỘI DUNG MÔ HÌNH

- Chọn địa điểm xây dựng mô hình;
- Lắp đặt, hướng dẫn vận hành thiết bị ECAWA;
- Tập huấn kỹ thuật cho cán bộ địa phương, triển khai ứng dụng đến các hộ và trang trại đăng ký;
- Xây dựng quy trình sử dụng Anolyte cho lợn, trâu bò và gia cầm;
- Theo dõi, giám sát đánh giá kết quả sử dụng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Tập huấn, chuyển giao công nghệ máy sản xuất dung dịch điện hoá, phương pháp kiểm tra chất lượng dung dịch cho các hộ chăn nuôi.
- Tổng hợp ghi nhận kết quả dựa trên các phiếu theo dõi định kỳ của các cộng tác viên.

QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM

Triển khai tập trung các trang trại chăn nuôi ở 3 xã phường: Phường Hội Hợp, phường Đồng Đa và xã Định Trung. Mỗi xã, phường chọn 10 hộ để làm điểm, với mỗi hộ có trên 300m² chuồng trại, hơn 1.000 con gia cầm và trên 20 con gia súc.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Phương thức triển khai:

Chọn HTX nông nghiệp Hội Hợp là nơi lắp đặt máy sản xuất dung dịch Anolit.

- Mở 3 lớp tập huấn, mỗi lớp 50 người tại các phường Hội Hợp, Đồng Tâm và xã Định Trung.
- Mời Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ Vinh Phúc tập huấn quy trình sử dụng dung dịch điện hoạt hoá cho các chủ trang trại và các hộ với nội dung:
 - + Tác dụng của dung dịch điện hoạt hoá trong chăn nuôi gia súc, gia cầm.



- + Tình hình triển khai ứng dụng dung dịch này trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc,
 - + Hướng dẫn cụ thể cho các hộ quy trình ứng dụng dung dịch trong chăn nuôi gia súc, gia cầm,
 - + Tham quan máy điều chế dung dịch và thực hành quy trình sử dụng dung dịch trong thực tế.
- Số lớp tập huấn và số học viên tham gia tập huấn đảm bảo 100% kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá về kết quả thực hiện mô hình:

- Tính thích hợp của công nghệ: Việc sản xuất dung dịch đơn giản chỉ là nước và muối, quy trình dễ dàng, người vận hành thiết bị không cần chuyên môn cao. Giá thành dung dịch rẻ, chi phí sử dụng thấp hơn các biện pháp khác, cho hiệu quả cao. Dung dịch không độc, dùng được cho cả người.

- Về môi trường:

+ Đối với ruồi, muỗi: Giảm đi rất nhiều, trước khi sử dụng dung dịch có khoảng 43,3% qua 4 tháng theo dõi giảm xuống chỉ còn 30,8%,

+ Đối với mùi hôi: Trước khi sử dụng dung dịch, theo dõi mùi hôi khoảng 34% sau khi dùng dung dịch mùi hôi giảm xuống còn 20,8%.

Môi trường được cải thiện rõ rệt với khoảng 10.000 m² chuồng trại được làm sạch và khoảng gần 60.000 con gia súc, gia cầm được chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với các bệnh thường gặp:

+ Đối với lợn: Bệnh tiêu chảy giảm hẳn sau 4 tháng sử dụng dung dịch, trong đợt quan sát đầu tiên khi sử dụng dung dịch có 33/150 lợn có biểu hiện tiêu chảy thì trong đợt quan sát thứ 2 không còn thấy có bệnh nữa.

+ Đối với gia cầm: Quan sát 3 loại bệnh là tiêu chảy, bệnh rù và bệnh phân trắng thì cả 3 loại bệnh đều giảm đáng kể. Đến cuối đợt sử dụng hầu như không thấy biểu hiện của 3 loại bệnh trên.

3. Phương hướng phát triển mô hình trong thời gian tới:

- Giao hợp tác xã Hội Hợp quản lý và vận hành thiết bị ECWA sản xuất và cung cấp dung dịch điện hoạt hoá cho các hộ chăn nuôi có nhu cầu sử dụng dung dịch. Hợp tác xã sẽ thu mỗi lít dung dịch một khoản tiền nhỏ để có kinh phí duy trì hoạt động.

- Tiếp tục phát triển ứng dụng dung dịch điện hoạt hoá Anolyte rộng rãi trong chăn nuôi gia súc gia cầm trên địa bàn thành phố.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Phát triển ứng dụng rộng rãi công nghệ hoạt hoá điện hoá, sử dụng dung dịch sát khuẩn Anolyte trong ngành chăn nuôi là rất cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Việc ứng dụng mô hình này trên địa bàn thành phố góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho nghề chăn nuôi gia súc gia cầm, bảo vệ sức khoẻ người lao động, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Kiến nghị:

- Cần tuyên truyền, hướng dẫn rộng khắp cho nông dân hiểu về hiệu quả và cách thức sử dụng dung dịch Anolyte.

- Do giá thành của máy sản xuất dung dịch quá cao, không phù hợp với các hộ chăn nuôi nhỏ, việc vận chuyển dung dịch đi xa còn nhiều hạn chế. Đề nghị Tỉnh và các ngành liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện để lắp đặt các máy sản xuất dung dịch tại các địa phương.

Biên tập: CN. Bùi Thị Vân Anh.



ỨNG DỤNG MÔ HÌNH SỬ DỤNG CHẾ PHẨM EM TRONG VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Chủ nhiệm mô hình: KS. Phùng Đắc Lĩnh Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật

Cơ quan thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật Vinh Phúc

Kinh phí thực hiện: 290 triệu đồng

Thời gian thực hiện: Năm 2006

Mã số mô hình: 04/MHNR-2006.

MỤC TIÊU MÔ HÌNH

Dùng chế phẩm EM để xử lý mùi hôi của phân gia súc, gia cầm... tẩy uế chuồng trại, vệ sinh nước thải; giảm thiểu các khí có hại, sự gia tăng của ruồi, muỗi và vi sinh vật gây bệnh. Làm cải thiện môi trường, hạn chế dịch bệnh, nâng cao sức khỏe của đàn gia súc.

NỘI DUNG MÔ HÌNH

- Sử dụng công nghệ EM trong vệ sinh môi trường nông thôn,
- Mở 16 lớp tập huấn cho nông dân,
- Báo cáo kết quả đạt được của mô hình.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mở các lớp tập huấn tuyên truyền hướng dẫn nông dân sử dụng chế phẩm EM trong vệ sinh môi trường nông thôn.

QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM

Thực hiện tại 5 xã thuộc 3 huyện, thành phố của Tỉnh:

- Huyện Vĩnh Tường 2 xã: Vân Xuân, Vĩnh Sơn có 350 hộ tham gia
- Huyện Tam Dương: xã Hợp Thịnh có 150 hộ tham gia
- Huyện Yên Lạc: xã Đông Cường có 150 hộ tham gia
- Thành phố Vĩnh Yên: xã Định Trung có 150 hộ tham gia

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Phương thức triển khai:

- Đơn vị thực hiện mở 16 lớp tập huấn thuộc 5 xã với tổng số 800 hộ tham gia (50hộ/lớp), cung



ứng 8.880 lít dung dịch EM thứ cấp đến từng hộ trong các xã.

+ Xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường tổ chức 3 lớp tập huấn cho 150 hộ tham gia; cung cấp cho dân 1.680 lít dung dịch EM thứ cấp.

+ Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường tổ chức 4 lớp tập huấn, cung cấp cho dân 2.160 lít dung dịch EM thứ cấp.

+ Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc tổ chức 3 lớp tập huấn, cung cấp cho dân 1.680 lít dung dịch EM thứ cấp.

+ Xã Hợp Thịnh huyện Tam Dương tổ chức 3 lớp tập huấn cung cấp cho dân 1.680 lít dung dịch EM thứ cấp.

+ Xã Định Trung thành phố Vĩnh Yên tổ chức 3 lớp tập huấn cung cấp cho dân 1.680 lít dung dịch EM thứ cấp.

- Qua các lớp tập huấn phát tài liệu hướng dẫn nông dân sử dụng chế phẩm EM trong vệ sinh môi trường nông thôn; hướng dẫn cán bộ xã, nông dân cách pha chế, phun tưới EM theo đúng nội dung, định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện của nông dân.

2. Một số đặc điểm cần chú ý khi sử dụng chế phẩm EM:

Chế phẩm EM là cộng đồng các vi sinh vật hữu hiệu bao gồm từ 80 - 120 loài vi sinh vật có ích có thể sống hoà đồng với nhau, được nhân lên rất nhanh về số lượng, các vi sinh vật này lấn át, hạn chế các vi sinh vật có hại trong đất và môi trường. EM thứ cấp là dung dịch EM có tác dụng phân giải các chất hữu cơ, khử trùng làm sạch môi trường, cải thiện tính chất hoá lý của đất, kích thích sự tăng trưởng của cây trồng và vật nuôi. Vì EM là một tập hợp các vi sinh vật, thực thể sống do vậy cần chú ý khi bảo quản và sử dụng:

- Bảo quản EM không nên quá 3 tháng, không bảo quản và sử dụng cùng với hoá chất nông nghiệp khác. Bảo quản ở nơi tối, mát, tránh ánh sáng trực tiếp làm giảm hiệu lực của EM.

- EM phát huy tác dụng lâu dài, bền vững do vậy khi sử dụng cần kiên trì, sử dụng lâu dài, đúng kỹ thuật, càng sử dụng lâu dài cho tác dụng càng cao, chi phí càng giảm.

- Phải pha chế, sử dụng EM theo đúng kỹ thuật, nồng độ và phải dùng nước sạch để pha chế. Dung dịch sau khi pha loãng phải dùng ngay.

- EM rất dễ làm giả, do vậy chỉ mua EM ở những địa chỉ tin cậy.

3. Đánh giá về kết quả thực hiện mô hình:

- Về môi trường:

Tại 5 xã đã ứng dụng đồng bộ phun dung dịch EM pha loãng với nồng độ từ 2 - 5% lên toàn bộ





bề mặt chuồng trại chăn nuôi theo tỷ lệ phun từ 0,5 - 1 lít dung dịch đã pha/m²; công trình phụ, cống rãnh thoát nước theo tỷ lệ 0,3 - 0,5 lít dung dịch đã pha/m² định kỳ 3 - 5 ngày 1 lần (tùy theo mức độ ô nhiễm) trong suốt sáu tháng.

Trước khi thực hiện mô hình đơn vị chủ trì đã phát phiếu điều tra về thực trạng môi trường nông thôn cho thấy 80% số hộ đánh giá còn có mùi hôi, môi trường bị ô nhiễm nặng. Sau khi sử dụng dung dịch EM trong vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục phát phiếu điều tra thu được kết quả đánh giá của 90% số hộ xác định mùi hôi thối không còn, ruồi nhặng ít hơn, môi trường được cải thiện rõ rệt. Đặc biệt sức khỏe của người dân cũng được nâng cao hơn nhất là đối với bệnh đường hô hấp.

- Về hiệu quả kinh tế:

Có thể lấy ví dụ: Đối với một gia đình có khuôn viên 250 - 350 m², trong đó nhà ở khoảng 100 m², công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi 70 m², sân vườn, rãnh thoát nước 80 - 130 m². Nếu sử dụng EM phun định kỳ 3 - 5 ngày một lần, với nồng độ 5% (5 phần EM + 100 phần nước sạch) đối với: công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi, phun 0,5 - 1 lít dung dịch đã pha/1 m²; các nơi khác từ 0,3 - 0,5 lít dung dịch đã pha/1 m² thì mỗi hộ mỗi lần phun chỉ hết 8 - 12 lít dung dịch tương ứng với 200 - 300 đồng.

- 1 tháng phun 10 lần: hết từ 2 - 3 nghìn đồng

- 1 năm chi phí hết: 24 - 36 nghìn đồng.

Với việc giảm tỷ lệ bệnh tật của đàn gia súc, gia cầm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, việc sử dụng dung dịch EM trong vệ sinh môi trường nông thôn mang lại hiệu quả rất lớn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Trong thời gian các xã ứng dụng chế phẩm dung dịch EM trong vệ sinh môi trường nông thôn, dịch bệnh về gia súc, gia cầm và bệnh ở người hầu như không có; mặt khác cách thức áp dụng và cách bảo quản dung dịch cũng rất đơn giản tạo điều kiện sử dụng rộng rãi trong nông dân. Có thể khẳng định dung dịch EM dùng trong công tác vệ sinh môi trường nông thôn đã đạt được hiệu quả cao, giá thành rẻ, dễ áp dụng. Nhưng người dân cần phải sử dụng thường xuyên liên tục, thì mới đảm bảo được chất lượng vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của cộng đồng và toàn xã hội.

2. Kiến nghị:

- Chi cục Bảo vệ thực vật phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các cấp chính quyền tỉnh, huyện và địa phương cần tuyên truyền rộng khắp việc ứng dụng chế phẩm dung dịch EM trong vệ sinh môi trường nông thôn để nông dân học tập và làm theo trong thời gian tới.

- Cần có nhiều đại lý bán dung dịch EM thứ cấp ở các địa phương phục vụ đầy đủ cho nhu cầu của người dân.

- Tỉnh cần có chế độ về cơ chế chính sách hỗ trợ tài chính, vật tư cho các xã, các huyện có nhu cầu sử dụng chế phẩm EM trong vệ sinh môi trường nông thôn.

Biên tập: **CN. Bùi Thị Vân Anh.**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VĨNH PHÚC
KỶ YẾU CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH VĨNH PHÚC (2004 - 2006)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN THẾ TRƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:
NGÔ KHÁNH LÂN

Biên tập:
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG
LÊ VĂN HÙNG
VŨ MẠNH TOÀN
BÙI HỮU HUNG
DƯƠNG THỊ HƯƠNG HUẾ

Thiết kế & Chế bản:
NGHIÊM XUÂN MẠNH
HÀ VIỆT DŨNG

Sửa bản in:
HỮU HUNG
HƯƠNG HUẾ

In 600 cuốn khổ 26 x 19 cm tại Công ty in Tây Đô - KCN Phú Minh - Phú Diễn - Hà Nội.
Giấy phép xuất bản số 27/XB-VH do Sở Văn hoá-Thông tin Vĩnh Phúc cấp ngày 11 tháng 04 năm 2008.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2008.